

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Bà Cao Thị Sáng;*
- 2. Ông Nguyễn Văn Dũng.*

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: **Phạm Thị Kim T**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số X, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: **Trần Văn Cẩm T**, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số X, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chị T và Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay của nguyên đơn Phạm Thị Kim T trình bày: Năm 1978, chị quan hệ hôn nhân với anh Trần Văn Cẩm T có đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau, phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, anh Cẩm T quan hệ chung sống với người phụ nữ khác nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2013 đến nay không hàn gắn được.

- Về con chung: đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết: chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Cẩm T.

* Bị đơn anh Trần Văn Cẩm T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* Tại phiên tòa: Chị T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Cẩm T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị T.

Anh Trần Văn Cẩm T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Phạm Thị Kim T và anh Trần Văn Cẩm T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Cai Lậy cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87/2013 ngày 06/6/2013.

Tại đơn khởi kiện Chị T xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, Anh T đã có người phụ nữ khác nên yêu cầu Tòa án chấp nhận cho chị được ly hôn với Anh T.

Sau khi nhận được các thông báo về việc thụ lý vụ án và bản pho to các tài liệu kèm theo đơn của Chị T, Anh T không có văn bản phản đối yêu cầu của Chị T, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên xem như anh Từ bỏ quyền đưa ra tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Lời trình bày của Chị T về tình trạng hôn nhân của chị với Anh T không bị Anh T phản bác nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của Chị T xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T và Anh T không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Theo trình bày của Chị T xác định giữa chị và Anh T có hai người con chung nhưng đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Văn Cẩm T.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 01501 ngày 24/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên Chị T không phải nộp tiếp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

+ Chị T và Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- UBND phường 1, TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT